TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ M** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2024/QĐST- DS	*M, ngày 26 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 385, 398, 401, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1, Điều 12; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 70/2023/TLST- DS ngày 04 tháng 12 năm 2023,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: bà Cao Thị H, sinh năm: 1954; nơi cư trú: số 05 Lê Hồng Phong, khu 1, phường Trần Phú, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Sỹ Dũng, sinh năm 1980, nơi cư trú: khu 5, phường Hải Yên, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, (theo hợp đồng ủy quyền ngày 11/12/2023 tại Văn phòng công chứng Đinh Minh).

* Bị đơn: bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1967 và ông Hoàng Văn T, sinh năm 1961; đều có nơi cư trú: số 02 đường Trần Quốc Tảng, khu 3, phường Hải Hòa thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. (*Ông T đã ủy quyền cho bà Th tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 15/01/2024 tại UBND phường Ninh Dương, thành phố M*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th: ông Lê Cao L, sinh năm: 1976, thẻ luật sư số: 4309/LS, là Luật sư của Công ty luật TNHH Tân Long thuộc đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh (đăng ký bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho đương sự tại Tòa án ngày 17/01/2024).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Vợ chồng bà Nguyễn Thị Th, ông Hoàng Văn T thừa nhận có nợ tiền của bà Cao Thị H thể hiện tại các giấy vay tiền đề ngày 08/9/2017 và giấy vay tiền

ngày 04/6/2018; để đảm bảo cho các khoản nợ trên vợ chồng bà Th, ông T tự nguyện giao cho bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính có số phát hành X 247462, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3934 do UBND thị xã M (nay là thành phố M) cấp ngày 12/9/2003 cho hộ bà Nguyễn Thị Th (thể hiện tại giấy vay tiền đề ngày 04/6/2018).

* Nay hai bên thống nhất xác định lại toàn bộ số tiền gốc, lãi của các khoản vay trên như sau:

- Tiền nợ gốc là: 12.300.000.000đ (mười hai tỷ, ba trăm triệu đồng).

- Tiền lãi: số tiền lãi tính trên các khoản nợ gốc từ ngày chốt nợ 04/6/2018 đến ngày hòa giải 18/3/2024 là 4.700.000.000đ (bốn tỷ, bảy trăm triệu đồng).

* Về phương thức, thời hạn thanh toán: các bên thống nhất thanh toán theo đợt, cụ thể như sau:

- Đợt 1: đến ngày 31/10/2024 vợ chồng bà Th, ông T thanh toán cho bà H số tiền 3.500.000.000đ (ba tỷ năm trăm triệu đồng);

- Đợt 2: đến ngày 28/02/2025 vợ chồng bà Th, ông T thanh toán cho bà H số tiền 3.500.000.000đ (ba tỷ năm trăm triệu đồng);

- Đợt 3: đến ngày 31/5/2025 vợ chồng bà Th, ông T thanh toán cho bà H số tiền 3.500.000.000đ (ba tỷ năm trăm triệu đồng);

- Đợt 4: đến ngày 30/8/2025 vợ chồng bà Th, ông T thanh toán cho bà H số tiền 3.500.000.000đ (ba tỷ năm trăm triệu đồng);

- Đợt 5: đến ngày 31/12/2025 vợ chồng bà Th, ông T thanh toán cho bà H số tiền 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng);

Trong thời gian trả nợ theo đợt như trên bà Th, ông T không phải tiếp tục trả lãi cho bà H.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và đến hạn thanh toán, nếu bà Nguyễn Thị Th, ông Hoàng Văn T không trả cho bà Cao Thị H số tiền nêu trên thì bà H có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự buộc bà Th, ông T phải trả số tiền đến hạn theo thỏa thuận nêu trên và khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả đến hạn cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Khi bà Th, ông T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì bà H phải có trách nhiệm trả cho bà Th, ông T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành X 247462, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3934 do UBND thị xã M (nay là thành phố M) cấp ngày 12/9/2003 cho hộ bà Nguyễn Thị Th (theo nội dung thỏa thuận tại giấy vay tiền ngày 04/6/2018).

- Về án phí: các bên thống nhất thỏa thuận bà H tự nguyện chịu 50% tiền án phí dân sự bà Th, ông T phải nộp tương ứng với số tiền phải nộp là 31.250.000đ (ba mươi mốt triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Th phải nộp 15.625.000đ (mười lăm triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, ông Hoàng Văn T là người cao tuổi nên

được miễn số tiền án phí dân sự sơ thẩm phải nộp là 15.625.000đ (mười lăm triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND Tp. M;
- Thi hành án dân sự Tp. M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Vũ Thị Thanh Phương